QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Luật số: …/2025/QH15	*Hà Nội, ngày ... tháng... năm 2025*

LUẬT
Tương trợ tư pháp về hình sự

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định các nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi phát sinh các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tương trợ tư pháp về hình sự* là việc các quốc gia, thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dành cho nhau sự hỗ trợ trong việc thực hiện các hoạt động xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ hay thực hiện các thủ tục tố tụng nhằm phục vụ giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự trên cơ sở điều ước quốc tế hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

2. *Nước yêu cầu* là nước gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự để nước được yêu cầu xem xét hỗ trợ thực hiện.

3. *Nước được yêu cầu* là nước được đề nghị thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

4. *Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự* là cơ quan được chỉ định bằng quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên để thực hiện vai trò Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự, đại diện cho quốc gia mình

trong quá trình gửi, tiếp nhận, thực hiện yêu cầu và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

5. *Cơ quan lập yêu cầu* là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo pháp luật tố tụng hình sự của Việt Nam và nước ngoài.

6. *Cơ quan thực hiện yêu cầu* là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được giao thực hiện yêu cầu ở Việt Nam và nước ngoài.

7. *Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự* là hình thức đưa ra yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, có nội dung theo quy định của Luật này hoặc theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên, do cơ quan lập yêu cầu lập, gửi đề nghị thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

8. *Nguyên tắc tội phạm kép* là nguyên tắc, theo đó hành vi liên quan đến yêu cầu phải cấu thành tội phạm theo pháp luật hình sự của cả nước yêu cầu và nước được yêu cầu.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng pháp luật liên quan có quy định về tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trường hợp hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự thực hiện trên cơ sở một điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên thì các điều khoản trong điều ước quốc tế đó được ưu tiên áp dụng.

Điều 5. Nguyên tắc tương trợ tư pháp về hình sự

1. Tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tôn trọng quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của một điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự có thể được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Điều 6. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại

Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Ngoại giao, có tính đến lợi ích quốc gia, các yêu cầu về chính trị và ngoại giao giữa Việt Nam và nước ngoài. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại không được trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Điều 7. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao đổi với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để thúc đẩy các hoạt động hợp tác về tương trợ tư pháp về hình sự thông qua trao đổi bằng văn bản hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ quan đầu mối của Việt Nam trong hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết các yêu cầu về tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam và của nước ngoài.

Điều 8. Thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng các tỉnh có chung đường biên giới giữa Việt Nam với nước ngoài có thể trực tiếp thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong trường hợp được quy định tại điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài hoặc theo các văn bản thỏa thuận do các cơ quan có thẩm quyền của hai nước thống nhất.

2. Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh của Việt Nam có chung đường biên giới với nước ngoài được ủy quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc lập, gửi, tiếp nhận, thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự và đồng thời báo cáo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để theo dõi, phối hợp liên hệ, đôn đốc và thực hiện quản lý Nhà nước.

Điều 9. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự

Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm:

a) Tống đạt giấy tờ, tài liệu trong tố tụng hình sự;

b) Lấy lời khai, bao gồm lấy lời khai qua cầu truyền hình;

c) Thu thập thông tin, dữ liệu điện tử, giấy tờ, tài liệu, hồ sơ, đồ vật là chứng cứ;

d) Xác định danh tính, địa chỉ một người; tìm kiếm đồ vật;

đ) Khám xét, thu giữ;

e) Kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có, công cụ, phương tiện phạm tội;

g) Tổ chức cho một người ở nước được yêu cầu sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ;

h) Tổ chức cho cán bộ có thẩm quyền ở nước yêu cầu sang nước được yêu cầu tham gia thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự;

i) Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ ở Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của nước ngoài;

k) Yêu cầu về chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

l) Trao đổi thông tin;

m) Phạm vi tương trợ khác.

Điều 10. Cam kết miễn trừ

1. Khi một người ở Việt Nam có mặt trên lãnh thổ của nước ngoài theo đề nghị của nước ngoài thì nước ngoài phải cam kết các nội dung sau:

a) Người đó sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị giam giữ hoặc bị hạn chế tự do cá nhân trên lãnh thổ của nước ngoài về hành vi được cho là phạm tội của người đó được thực hiện trước khi rời khỏi Việt Nam sang nước ngoài;

b) Người đó chỉ tham gia tố tụng và hỗ trợ điều tra thuộc phạm vi nội dung tương trợ tư pháp về hình sự và trong vụ việc, vụ án hình sự nêu trong yêu cầu, trừ khi người đó đồng ý tham gia tố tụng và hỗ trợ điều tra trong vụ việc, vụ án hình sự khác và được Viện kiểm sát nhân dân tối cao chấp thuận.

2. Một người ở Việt Nam đã sang nước ngoài theo đề nghị của nước ngoài nhưng không đồng ý tham gia tố tụng hoặc hỗ trợ điều tra sẽ không phải chịu bất kỳ chế tài hay biện pháp cưỡng chế nào tại nước ngoài.

3. Một người ở Việt Nam đồng ý tham gia tố tụng hoặc hỗ trợ điều tra ở nước ngoài theo yêu cầu của nước ngoài sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 11. Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự bao gồm văn bản, tài liệu sau:

a) Văn bản của cơ quan lập yêu cầu gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị gửi hồ sơ yêu cầu cho nước ngoài;

b) Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của cơ quan lập yêu cầu gửi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

c) Tài liệu khác kèm theo, nếu có và thấy cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 12. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gồm các thông tin sau:

a) Thời gian, địa điểm lập yêu cầu;

b) Tên cơ quan lập yêu cầu;

c) Khẳng định thẩm quyền tiến hành hoạt động tố tụng, thẩm quyền lập yêu cầu;

d) Tên cơ quan trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu của nước được yêu cầu;

đ) Tên đầy đủ, địa chỉ hiện tại của cá nhân, tổ chức có liên quan đến nội dung tương trợ theo yêu cầu;

e) Mô tả mục đích của yêu cầu, nội dung vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến yêu cầu bao gồm các tình tiết thể hiện mối liên hệ với nước được yêu cầu, tiến độ hoạt động tố tụng trong vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến yêu cầu;

g) Trích dẫn pháp luật về tội danh và hình phạt có thể áp dụng đối với tội phạm liên quan đến yêu cầu;

h) Các nội dung, thủ tục, cách thức cụ thể đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự;

i) Thời gian mong muốn nhận được kết quả tương trợ tư pháp về hình sự;

k) Yêu cầu về bảo mật nội dung hồ sơ yêu cầu, quá trình thực hiện yêu cầu và kết quả thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Ngoài những thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, tùy từng trường hợp cụ thể, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam hoặc của nước ngoài, văn bản yêu cầu có thể gồm những thông tin sau:

a) Đặc điểm nhận dạng, thông tin nhân thân của cá nhân đối với yêu cầu xác định danh tính, địa chỉ một người; mô tả đồ vật, địa chỉ của đồ vật đối với yêu cầu về tìm kiếm đồ vật;

b) Nội dung cần thẩm vấn, danh sách câu hỏi đặt ra đối với yêu cầu về lấy lời khai; mô tả thông tin, dữ liệu điện tử, giấy tờ, tài liệu, hồ sơ, đồ vật cần thu thập đối với yêu cầu về thu thập thông tin, dữ liệu điện tử, giấy tờ, tài liệu, hồ sơ là chứng cứ;

c) Nội dung công việc, yêu cầu đặt ra đối với yêu cầu về lấy ý kiến người giám định;

d) Địa điểm cần khám xét, đồ vật cần thu giữ kèm theo lệnh, quyết định khám xét, thu giữ của cơ quan có thẩm quyền nước yêu cầu đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ;

đ) Mô tả về tài sản, tài khoản cần kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại kèm theo tài liệu, chứng cứ xác định tài sản, tài khoản đó là do phạm tội mà có, đang tồn tại ở nước được yêu cầu và thuộc quyền tài phán của nước yêu cầu và bản án, quyết định về kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản, tiền trong tài khoản đó của cơ quan có thẩm quyền nước yêu cầu, đối với yêu cầu về kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có.

e) Biện pháp cần áp dụng trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự có thể dẫn đến việc phát hiện, kê biên, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có;

g) Mô tả sự cần thiết, mục đích, nội dung làm việc, cam kết miễn trừ, dự định thời gian, lịch trình chuyến đi, kinh phí chi trả đối với yêu cầu về tổ chức cho một người ở nước được yêu cầu sang nước yêu cầu hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ và yêu cầu tổ chức cho cán bộ có thẩm quyền ở nước yêu cầu sang nước được yêu cầu tham gia thực hiện yêu cầu tương trợ;

h) Yêu cầu về chứng nhận, chứng thực đối với tài liệu là kết quả thực hiện tương trợ.

3. Trường hợp thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu quy định tại Điều 11 và khoản 1, khoản 2 Điều này không đủ để thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự thì cơ quan có thẩm quyền nước được yêu cầu có thể đề nghị bằng văn bản với nước yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu bổ sung và ấn định thời điểm cung cấp thông tin bổ sung.

Điều 13. Chứng nhận, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự

1. Trong phạm vi điều chỉnh của Luật này, văn bản yêu cầu và tài liệu kèm theo (nếu có), văn bản trao đổi trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự và tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự không đòi hỏi phải chứng nhận, chứng thực, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể, khi nước yêu cầu hoặc nước được yêu cầu đòi hỏi văn bản, tài liệu phải được chứng nhận, chứng thực thì văn bản, tài liệu đó được chứng nhận, chứng thực theo cách thức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Văn bản, tài liệu được chứng nhận, chứng thực là văn bản, tài liệu được ký hoặc đóng dấu xác nhận của cán bộ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của nước ban hành.

4. Văn bản, tài liệu của nước ngoài sẽ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký và đóng dấu bởi cơ quan và người có thẩm quyền của nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc pháp luật nước ngoài có quy định khác.

Điều 14. Bảo mật thông tin và giới hạn sử dụng

1. Thông tin, tài liệu, chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp chỉ được sử dụng phù hợp với mục đích đã nêu trong yêu cầu, không được tiết lộ hoặc chuyển giao cho bên thứ ba. Trường hợp sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ ngoài mục đích đã nêu trong yêu cầu thì phải có sự đồng ý trước bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp thích hợp để giữ bí mật về yêu cầu, nội dung yêu cầu, tài liệu kèm theo và hoạt động tố

tụng hình sự sẽ được tiến hành theo yêu cầu. Trong trường hợp không thể thực hiện được yêu cầu của nước ngoài theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do và thoả thuận với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về các biện pháp thay thế (nếu có).

3. Khi gửi yêu cầu cho nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài áp dụng các biện pháp để:

a) Giữ bí mật thông tin, chứng cứ mà Việt Nam đã cung cấp và sử dụng thông tin, chứng cứ trong phạm vi cần thiết cho mục đích nêu trong yêu cầu;

b) Bảo đảm thông tin, chứng cứ mà Việt Nam đã cung cấp không bị sai lệch, thay đổi, tiết lộ trái phép hoặc các hành vi lạm dụng khác.

Điều 15. Ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì ngôn ngữ trong hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì hồ sơ yêu cầu phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận.

3. Cơ quan lập yêu cầu phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trình tự, thủ tục dịch thuật và việc chứng thực các tài liệu được dịch thuật được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước được yêu cầu.

Điều 16. Chi phí tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự do nước được yêu cầu chi trả, trừ những trường hợp sau:

a) Các chi phí gắn với việc đưa người đến hoặc đi từ lãnh thổ của nước được yêu cầu và sinh hoạt phí, lệ phí hoặc chi phí người đó có thể được hưởng trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của nước yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại Điều 28, Điều 29 hoặc Điều 30 của Luật này;

b) Các chi phí gắn với việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) Chi phí trưng cầu giám định;

d) Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch, sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ nước được yêu cầu tới nước yêu cầu;

đ) Các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi nước được yêu cầu đề nghị.

3. Nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

Điều 17. Giao nhận tài liệu, đồ vật, tiền liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự

1. Việc giao nhận tài liệu, đồ vật và tiền liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao với cơ quan lập yêu cầu hoặc cơ quan thực hiện yêu cầu được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Việc giao nhận tài liệu, đồ vật và tiền liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài do hai bên thỏa thuận phương thức thực hiện.

Điều 18. Xem xét yêu cầu cam kết liên quan đến hình phạt tử hình

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu đưa ra cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc áp dụng nhưng không thi hành đối với yêu cầu có liên quan đến tội phạm có hình phạt tử hình, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cam kết trong từng trường hợp cụ thể. Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ đưa ra thông báo về nội dung cam kết không thi hành hình phạt tử hình theo quy định của điều ước quốc tế; Bộ Ngoại giao sẽ đưa ra thông báo về nội dung cam kết không thi hành hình phạt tử hình theo nguyên tắc có đi có lại.

2. Trình tự, thủ tục ban hành cam kết được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

XỬ LÝ YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ CỦA NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài gửi Việt Nam được lập theo quy định của Luật này, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự để thực hiện.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài quy định yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự có thể được lập bằng ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận, nếu hồ sơ chưa được dịch ra tiếng Việt, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức dịch hồ sơ ra tiếng Việt trước khi chuyển cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện. Thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản dịch từ đơn vị có chức năng dịch thuật.

4. Trường hợp hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự được gửi qua kênh ngoại giao, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chuyển hồ sơ và các tài liệu kèm theo (nếu có) cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 20. Từ chối, hoãn thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự

1. Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài sẽ bị từ chối thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, trật tự công cộng của Việt Nam;

b) Liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Việt Nam;

c) Liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam;

d) Yêu cầu được lập với mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự một người vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, quan điểm chính trị của người đó hoặc vì những lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu người đó;

đ) Yêu cầu liên quan đến tội phạm có tính chất chính trị hoặc tội phạm quân sự thuần túy không đồng thời là tội phạm hình sự thông thường.

2. Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài có thể bị từ chối thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hành vi liên quan đến yêu cầu không cấu thành tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam mà việc thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự có áp dụng các biện pháp cưỡng chế;

b) Khi thực hiện yêu cầu, các cơ quan tố tụng của Việt Nam sẽ phải sử dụng nhiều nguồn lực lớn mà xét thấy không tương xứng.

3. Yêu cầu của nước ngoài có thể bị hoãn thực hiện tại Việt Nam nếu việc thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tại Việt Nam.

4. Khi quyết định từ chối hoặc hoãn thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho nước ngoài về lý do từ chối hoặc hoãn và các biện pháp cần áp dụng để yêu cầu có thể được thực hiện.

Điều 21. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện các nội dung tương trợ tư pháp về hình sự nêu trong yêu cầu theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và các Luật có liên quan khác.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển văn bản và tài liệu kèm theo (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao.

3. Trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự không thực hiện được hoặc cần bổ sung thông tin, tài liệu để xem xét việc thực hiện yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao và nêu rõ lý do để Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Điều 22. Yêu cầu về tống đạt giấy triệu tập

1. Trường hợp triệu tập người làm chứng, người giám định hoặc những người có liên quan khác đang có mặt tại Việt Nam sang nước yêu cầu, Cơ quan trung ương của nước yêu cầu gửi văn bản yêu cầu kèm theo giấy triệu tập (nếu có) cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày, trước ngày dự định người đó phải có mặt tại nước yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể không áp dụng thời hạn này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự nếu:

a) Yêu cầu có liên quan đến vụ việc, vụ án hình sự ở nước yêu cầu;

b) Có căn cứ xác đáng để tin rằng người cần tống đạt đang có mặt tại Việt Nam;

c) Nước yêu cầu cam kết về đảm bảo an toàn và chi phí cho người được triệu tập.

3. Cơ quan thực hiện yêu cầu phải kịp thời thực hiện việc tống đạt theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc theo đề nghị trong yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nếu không trái với pháp luật Việt Nam. Sau khi tống đạt, cơ quan thực hiện yêu cầu gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao văn bản xác nhận về việc tống đạt hoặc nếu không thực hiện được thì phải nêu rõ lý do để chuyển cho nước yêu cầu.

Điều 23. Yêu cầu về lấy lời khai qua cầu truyền hình

1. Sau khi tiếp nhận, cơ quan thực hiện yêu cầu tiến hành xác minh thông tin và địa chỉ của người được lấy lời khai; lấy ý kiến của người được lấy lời khai và thông báo thời gian, địa điểm và các vấn đề có liên quan khác cho người được lấy lời khai.

2. Cơ quan thực hiện yêu cầu thông báo bằng văn bản về ý kiến của người được lấy lời khai cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thông báo cho nước yêu cầu.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu về ý kiến của người được lấy lời khai như sau:

a) Trường hợp người được lấy lời khai không đồng ý hoặc đồng ý kèm theo điều kiện thì thông báo cho nước yêu cầu biết hoặc đề nghị nước yêu cầu xem xét đáp ứng các điều kiện do người được lấy ý kiến đưa ra để quyết định tiếp tục đề nghị hay dừng thực hiện yêu cầu tương trợ;

b) Trường hợp người được lấy lời khai đồng ý và yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đã đáp ứng được các điều kiện của phía Việt Nam, gồm cả điều kiện do người được lấy lời khai đưa ra, thì thông báo về sự đồng ý đó cho nước yêu cầu và đề nghị cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm vận hành thử thiết bị, kỹ thuật cầu truyền hình; thời gian tổ chức cầu truyền hình chính thức; hình thức, phương thức chuyển, thanh toán các khoản chi phí cho người được lấy lời khai; thành phần người tiến hành tố tụng, cán bộ có thẩm quyền của nước yêu cầu tham gia cầu truyền hình tại đầu cầu nước yêu cầu và các thông tin khác cần thiết cho việc tổ chức lấy lời khai qua cầu truyền hình.

4. Trường hợp nước yêu cầu đáp ứng được khoản 3 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan thực hiện yêu cầu để triển khai thực hiện tương trợ.

Điều 24. Yêu cầu về thu thập, cung cấp dữ liệu điện tử

1. Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện yêu cầu về thu thập, cung cấp dữ liệu điện tử của nước ngoài nếu yêu cầu đó phù hợp với quy định của Luật này và các Luật có liên quan khác.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu thập dữ liệu điện tử khi thực hiện yêu cầu của nước ngoài được thực hiện tương tự tư pháp về hình sự như trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện thu thập dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 25. Yêu cầu về xác định danh tính, địa chỉ một người; tìm kiếm đồ vật

Khi nhận được yêu cầu của nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật trong nước có liên quan, cơ quan thực hiện yêu cầu đảm bảo việc xác định danh tính, địa chỉ của một người hoặc tìm kiếm đồ vật nêu tại yêu cầu và được cho là đang có mặt tại Việt Nam.

Điều 26. Yêu cầu về khám xét, thu giữ

1. Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật là chứng cứ trong vụ án hình sự mà nước yêu cầu đang tiến hành, nếu có căn cứ cho rằng đang có trong người, địa điểm đó.

2. Trình tự, thủ tục khám xét, thu giữ giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật được tiến hành theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các Luật có liên quan khác.

Điều 27. Yêu cầu về kê biên, phong tỏa, tịch thu, trao trả tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội

1. Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện việc kê biên, phong tỏa, tịch thu, trao trả tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội theo trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và các Luật có liên quan khác.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, việc hoàn trả tài sản bị tịch thu sẽ được thực hiên theo quy định trong điều ước quốc tế đó. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, việc hoàn trả tài sản bị tịch thu sẽ phụ thuộc vào thoả thuận về chia sẻ tài sản giữa Việt Nam và nước ngoài.

3. Các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự sẽ được khấu trừ trước khi tiến hành thỏa thuận về chia sẻ tài sản giữa Việt Nam và nước ngoài.

4. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 28. Tổ chức cho người ở Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ

1. Theo đề nghị của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể tổ chức đưa một người không phải là người quy định tại Điều 30 của Luật này sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu đồng ý với các điều kiện quy định tại Điều 10 của Luật này mà nước ngoài đưa ra bằng văn bản, sẽ đề nghị một người hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của nước ngoài.

Người đó sẽ được thông báo về việc bảo đảm an toàn, điều kiện ăn ở, đi lại tại nước ngoài, số tiền trợ cấp hoặc chi phí có thể được hưởng.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo ngay ý kiến của người đó cho nước ngoài và nếu người đó đồng ý thì tiến hành các bước cần thiết để tổ chức cho người đó sang nước ngoài để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 29. Tổ chức cho người có thẩm quyền ở nước ngoài đến Việt Nam tham gia thực hiện yêu cầu của nước ngoài

1. Trường hợp nước ngoài đề nghị Việt Nam cho phép sự có mặt của người có thẩm quyền nêu trong yêu cầu tham gia quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự ở Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi văn bản đề nghị cơ quan thực hiện yêu cầu cho ý kiến và có văn bản trả lời Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến.

2. Trường hợp đồng ý cho người có thẩm quyền của nước ngoài đến Việt Nam tham gia thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho nước ngoài về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao kịp thời thông báo cho nước ngoài về các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 30. Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ ở Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của nước ngoài

1. Người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam có thể được dẫn giải, chuyển giao tạm thời cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ trong vụ án hình sự tại nước ngoài.

2. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chỉ dẫn giải người đang bị tạm giam hay đang chấp hành án phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều này với các điều kiện sau đây:

a) Người đó đồng ý với việc chuyển giao và hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ tại nước ngoài;

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải cam kết bằng văn bản về việc bảo đảm an toàn, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trao trả và các điều kiện cụ thể khác liên quan đến việc chuyển giao do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam đề nghị. Văn bản cam kết được lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến việc chuyển giao người đang bị tạm giam, đang chấp hành án phạt tù để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ. Việc trao trả lại người bị chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam phải được thực hiện theo đúng thời hạn đã cam kết.

3. Thời gian mà người bị chuyển giao bị dẫn giải, lưu lại ở nước ngoài được tính vào thời hạn tạm giam hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù của người đó.

4. Khi thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định việc chuyển giao được thực hiện tương tự trình tự, thủ tục trích xuất người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam.

Điều 31. Yêu cầu về chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Khi nhận được yêu cầu của nước ngoài về việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi có địa chỉ của người bị đề nghị tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự để giải quyết.

2. Sau khi nhận được yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ giải quyết yêu cầu theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền tương tự trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Trong quá trình giải quyết yêu cầu, nếu thấy cần có thêm thông tin, tài liệu từ nước ngoài, cơ quan thực hiện yêu cầu có văn bản gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu.

Điều 32. Trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ, thông báo kết thúc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Khi có đề nghị của cơ quan thực hiện yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu bổ sung, làm rõ thông tin hoặc thông báo các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự. Văn bản đề nghị nước yêu cầu bổ sung, làm rõ thông tin nêu rõ thời hạn bổ sung, làm rõ thông tin và việc dừng thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự nếu không đáp ứng được thời hạn đó.

2. Khi nhận được thông tin, tài liệu bổ sung của nước yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan thực hiện yêu cầu để tiếp tục thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Khi có đề nghị thông báo tiến độ thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự của nước yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đôn đốc cơ quan thực hiện yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ, sau đó thông báo cho nước yêu cầu.

4. Khi nước yêu cầu thông báo dừng thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan thực hiện yêu cầu để dừng thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

5. Việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự cho nước ngoài kết thúc khi:

a) Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài văn bản thông báo kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự và tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ (nếu có);

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài văn bản thông báo đã tiến hành thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhưng không có kết quả kèm theo lý do;

c) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thông báo dừng thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

CHƯƠNG III

XỬ LÝ YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ CỦA VIỆT NAM

Điều 33. Lập, gửi yêu cầu, bổ sung thông tin yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Khi phát sinh nhu cầu đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng kịp thời lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của Luật này, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc pháp luật của nước ngoài trong trường hợp hai nước chưa có các điều ước quốc tế.

Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự được lập thành 03 bộ bằng ngôn ngữ quy định tại Điều 15 của Luật này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình lập yêu cầu.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đề nghị hỗ trợ thực hiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại cho cơ quan lập yêu cầu, nêu rõ lý do, đề nghị bổ sung thông tin hoặc hướng dẫn lập lại yêu cầu.

4. Trường hợp theo quy định của pháp luật nước yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi nước ngoài. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

5. Trường hợp sau khi đã gửi yêu cầu, nếu cơ quan lập yêu cầu nhận thấy việc đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự không còn cần thiết thì phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao

để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu về việc dừng thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 34. Phối hợp trao đổi, bổ sung thông tin, đôn đốc nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam

1. Khi nước ngoài đề nghị, các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bổ sung, làm rõ thông tin liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự như sau:

a) Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp có văn bản bổ sung, làm rõ thông tin về quy định của pháp luật hiện hành cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

b) Trên cơ sở thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan lập yêu cầu có văn bản bổ sung, làm rõ thông tin về nội dung vụ án, vụ việc hoặc nội dung tương trợ liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện bổ sung, làm rõ thông tin cho nước ngoài.

c) Trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với cơ quan lập yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền liên quan khác thống nhất nội dung thông tin cần bổ sung, làm rõ.

2. Khi có đề nghị của cơ quan lập yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đôn đốc, đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu thông báo tiến độ hoặc kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập yêu cầu về tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 35. Thông báo kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự từ nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi tài liệu kết quả thực hiện tương trợ cho cơ quan lập yêu cầu.

2. Cơ quan lập yêu cầu khi nhận tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ có trách nhiệm dịch ra tiếng Việt trong trường hợp tài liệu kết quả chưa được dịch ra tiếng Việt và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao 01 bản dịch để thực hiện việc quản lý nhà nước trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Sau khi tiếp nhận tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan lập yêu cầu có thể đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ, bổ sung thông tin, tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nếu thấy các nội dung trong yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự chưa được thực hiện đầy đủ.

4. Khi nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu

cầu làm rõ, bổ sung thông tin, tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

Thiếu quy định về việc bổ sung trách nhiệm của cơ quan trung ương trong thông tin về việc không có kết quả tương trợ cho cơ quan lập đề nghị để chủ động thực hiện các biện pháp tố tụng.

Điều 36. Kết thúc yêu cầu nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

Việc yêu cầu nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự sẽ kết thúc trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan lập yêu cầu đã nhận được tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ;

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có văn bản thông báo đã tiến hành thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhưng không có kết quả kèm theo lý do;

c) Cơ quan lập yêu cầu thông báo việc đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ không còn cần thiết.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

Điều 37. Trách nhiệm của Chính phủ

Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm kinh phí cho hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 38. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan trung ương theo quy định của Luật này; quản lý nhà nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo thẩm quyền.

3. Hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

4. Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự.

5. Báo cáo Quốc hội hàng năm về công tác tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 38 Luật này.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan điều tra các cấp trong thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao kết quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong Công an nhân dân các cấp khi có yêu cầu.

Điều 40. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

1. Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 38 Luật này.

2. Hướng dẫn tòa án nhân dân các cấp trong thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao kết quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong Ngành tòa án nhân dân khi có yêu cầu.

Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 38 Luật này.

2. Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại và phối hợp trong việc gửi, tiếp nhận yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài trong trường hợp áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 38 Luật này.

Điều 43. Trách nhiệm của Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài

Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 38 Luật này.

Điều 44. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo thẩm quyền.

2. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài theo quy định của Luật này.

3. Lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện theo thẩm quyền.

Điều 45. Trách nhiệm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài theo quy định của Luật này.

2. Lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện theo thẩm quyền.

Điều 46. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài theo quy định của Luật này.

2. Lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện theo thẩm quyền.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 ngày 21/11/2007 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 48 của Luật này.

Điều 48. Quy định chuyển tiếp

Các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự được lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2025./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI